

Số: 383 /QĐ-THPNA

Yên Tử, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu - chi NSNN quý III năm 2025
của Trường tiểu học Phương Nam A

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯƠNG NAM A

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân phường Yên Tử về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và một số cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách năm 2025 ;

Xét đề nghị của Tổ văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu dự toán Thu - Chi NSNN Quý 3 năm 2025 của trường Tiểu học Phương Nam A.

Điều 2. Thời gian công khai: 90 ngày, kể từ ngày 03/10/2025 đến hết ngày 03/01/2026.

Điều 3. Các ông (bà) Ban giám hiệu, kế toán, các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bảng tin nhà trường;
- Cổng TTĐT nhà trường;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Minh Toàn

Yên Tử, ngày 03 tháng 10 năm 2025

BIÊN BẢN

**Về việc niêm yết công khai dự toán Thu - Chi NSNN Quý 3 năm 2025
của trường Tiểu học Phương Nam A**

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-TBTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-TBTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân phường Yên Tử về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và một số cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách năm 2025 ;

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-THPNA ngày 03/10/2025 của trường Tiểu học Phương Nam A về việc công khai dự toán thu - chi NSNN Quý 3 năm 2025.

Hôm nay, vào hồi 15h10' ngày 03/10/2025, tại trường Tiểu học Phương Nam A.

1. Thành phần:

- Toàn bộ CB - GV - NV nhà trường: 26/26 đ/c vắng: 0
- Chủ trì: Đ/c Đinh Thị Minh Toan - Chức vụ: Hiệu trưởng
- Đại diện tổ Tài chính: Đ/c Phùng Thị Huyền Trang - Chức vụ: Kế toán
- Người ghi biên bản: Lê Thị Phụng - Chức vụ: Thư ký

2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai dự toán thu - chi NSNN Quý 3 năm 2025 của trường Tiểu học Phương Nam A (kèm theo bản dự toán thu - chi ngân sách Quý 3 năm 2025 của trường Tiểu học Phương Nam A).

2.2. Thời gian niêm yết: 90 ngày, kể từ ngày 03/10/2025 đến hết ngày 03/01/2026.

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại bảng thông báo của trường Tiểu học Phương Nam A, phường Phương Nam thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai trên, đề nghị gửi kiến nghị về Trường (qua Đ/C Lê Thị Phụng - Chức vụ: Giáo viên, thư ký HĐ- SĐT: 0975116486) để tổng hợp, giải quyết theo quy định.

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường thực hiện việc bảo đảm an toàn dự toán thu - chi NSNN Quý 3 năm 2025 của trường Tiểu học Phương Nam A từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 15h25' cùng ngày. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản để lưu hồ sơ tại trường và công khai.

THƯ KÝ

KẾ TOÁN

Lê Thị Phụng

Phùng Thị Huyền Trang



Đinh Thị Minh Toàn

Đơn vị: Trường Tiểu học Phương Nam A

Chương: 822

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Tú, ngày 03 tháng 10 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý III năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		1.141		
I	Nguồn ngân sách trong nước		1.141		
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		1.141		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.068		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		73		

Ngày 03 tháng 10 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Đinh Thị Minh Toàn

Mã chương: 822

Đơn vị: Trường Tiểu học Phương Nam A

Mã ĐVQHNS: 1093291

Mã cấp NS: 4



Người ký: Vũ Thị Thanh Hiền
Ngày ký: 02/10/2025 13:34:56
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Khu vực III-PGD số 14
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	072	00000	0	1.014.486.925	1.014.486.925	1.014.486.925	1.014.486.925	72.797.500	72.797.500	0	0	0	941.689.425
13	072	00000	0	2.438.874.675	2.438.874.675	2.438.874.675	2.438.874.675	1.067.713.809	1.067.713.809	0	0	0	1.371.160.866
18	072	00000	0	208.980.000	208.980.000	208.980.000	208.980.000	0	0	0	0	0	208.980.000
Cộng:			0	3.662.341.600	3.662.341.600	3.662.341.600	3.662.341.600	1.140.511.309	1.140.511.309	0	0	0	2.521.830.291
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 10 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hoàng Cúc

Người ký: Vũ Thị Thanh Hiền
Ngày ký: 02/10/2025 13:34:56
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Khu vực III-PGD số 14

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 10 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Phùng Thị Huyền Trang
Ngày ký: 01/10/2025 14:20:39
Đơn vị: Trường Tiểu học Phương Nam A

Người ký: Đinh Thị Minh Tâm
Ngày ký: 01/10/2025 14:30:38
Đơn vị: Trường Tiểu học Phương Nam A

Mã chương: 822

Đơn vị: Trường Tiểu học Phương Nam A

Mã ĐVQHNS: 1093291

Mã cấp NS: 4



Người ký: Vũ Thị Thanh Hiền
Ngày ký: 02/10/2025 13:34:56
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Khu vực III-PGD
Số 14
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	072	6051	00000	0	0	27.500.000	27.500.000	27.500.000	27.500.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	072	6112	00000	0	0	9.625.000	9.625.000	9.625.000	9.625.000
Bảo hiểm xã hội	12	072	6301	00000	0	0	4.812.500	4.812.500	4.812.500	4.812.500
Bảo hiểm y tế	12	072	6302	00000	0	0	825.000	825.000	825.000	825.000
Bảo hiểm thất nghiệp	12	072	6304	00000	0	0	275.000	275.000	275.000	275.000
Thuê lao động trong nước	12	072	6757	00000	0	0	29.760.000	29.760.000	29.760.000	29.760.000
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	0	0	470.480.403	470.480.403	470.480.403	470.480.403
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	0	0	10.179.000	10.179.000	10.179.000	10.179.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	0	0	184.103.010	184.103.010	184.103.010	184.103.010
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	0	0	702.000	702.000	702.000	702.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	0	0	80.391.776	80.391.776	80.391.776	80.391.776
Thưởng thường xuyên	13	072	6201	00000	0	0	10.650.000	10.650.000	10.650.000	10.650.000
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000	0	0	96.396.441	96.396.441	96.396.441	96.396.441
Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000	0	0	16.802.130	16.802.130	16.802.130	16.802.130
Bảo hiểm thất nghiệp	13	072	6304	00000	0	0	5.600.709	5.600.709	5.600.709	5.600.709
Tiền điện	13	072	6501	00000	0	0	2.968.380	2.968.380	2.968.380	2.968.380

Tiền nước	13	072	6502	00000	0	0	3.237.960	3.237.960	3.237.960	3.237.960
Văn phòng phẩm	13	072	6551	00000	0	0	26.840.000	26.840.000	26.840.000	26.840.000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	072	6552	00000	0	0	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000
Khoản văn phòng phẩm	13	072	6553	00000	0	0	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000
Vật tư văn phòng khác	13	072	6599	00000	0	0	31.861.000	31.861.000	31.861.000	31.861.000
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	13	072	6605	00000	0	0	1.470.000	1.470.000	1.470.000	1.470.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	072	6701	00000	0	0	2.160.000	2.160.000	2.160.000	2.160.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	072	6703	00000	0	0	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000
Khoản công tác phí	13	072	6704	00000	0	0	1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.500.000
Thuê lao động trong nước	13	072	6757	00000	0	0	14.880.000	14.880.000	14.880.000	14.880.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	072	6912	00000	0	0	7.020.000	7.020.000	7.020.000	7.020.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	072	7001	00000	0	0	10.052.000	10.052.000	10.052.000	10.052.000
Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	13	072	7004	00000	0	0	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
Chi khác	13	072	7049	00000	0	0	26.584.000	26.584.000	26.584.000	26.584.000
Chi các khoản khác	13	072	7799	00000	0	0	29.025.000	29.025.000	29.025.000	29.025.000
Cộng:					0	0	1.140.511.309	1.140.511.309	1.140.511.309	1.140.511.309
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 10 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 10 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)